TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ LONG KHÁNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **11**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: **22/5/2019**
V/v "***Ly hôn***"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Mỹ Lệ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Mai Văn Khánh**

2. Bà **Nguyễn Thúy Phượng**

-Thư ký phiên tòa : Bà **Phan Thị Mai** – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Khánh tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Cường** - Kiểm sát viên

Ngày 22/5/2019, tại Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2018/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXX-DS ngày 17/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02/5/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Lê Thị Kiều Th**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: tổ X, ấp Y, xã Z, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

2. Bị đơn: anh **Trần Minh H**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: số X, đường Y, phường Z, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Th và anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 19/10/2018, các lời khai bổ sung và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Lê Thị Kiều Th trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Minh H vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Xuân Thanh. Sau khi kết hôn anh chị sống không hạnh phúc do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh chị sống ly thân khoảng từ năm 2009, nay chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 01 con chung là Trần Bảo Nh sinh ngày 07/10/2006, hiện đang sống với chị Th. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Nh, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: bản tự khai; sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân, giấy khai sinh; giấy đăng ký kết hôn.

- Anh Trần Minh H vắng mặt nên không có lời trình bày

Tài liệu, chứng cứ: không có.

- Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: biên bản xác minh của Công an phường Xuân Thanh, lời khai của anh Trần Văn H.

- Ý kiến của kiểm sát viên:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Tòa án và đương sự trong việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS.

Những người tham gia tố tụng cũng chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Th và anh H ly hôn. Giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng, tạm thời anh H không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1] Về thủ tục tố tụng**: Do nguyên đơn xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Kiều Th và anh Trần Minh H có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị Th cho rằng cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn, kéo dài và ngày càng trầm trọng. Mặc dù anh H không có lời trình bày nhưng qua lời khai của cháu Nh, xác nhận của tổ, ấp, công an xã Hòa Long thì thấy anh chị đã ly thân từ 2009, trong thời gian ly thân anh H không qua lại thăm nom hay có động thái gì muốn đoàn tụ với chị Th. Nhận thấy giữa anh chị không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị Th ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Chị Th yêu cầu được nuôi con chung, điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu Nh và đảm bảo cho việc phát triển của con chung vì từ khi ly thân cho đến nay chị Th là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nh. Do chị Th không yêu cầu nên tạm thời anh H không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát thị xã Long Khánh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 28, 35, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chị Lê Thị Kiều Th và anh Trần Minh H ly hôn.

- Về con chung: giao cháu Trần Bảo Nh sinh ngày 07/10/2006 cho chị Lê Thị Kiều Th trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Trần Minh H không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Minh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh Trần Minh H và chị Lê Thị Kiều Th được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị Kiều Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí DSST trong vụ án ly hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Khánh theo biên lai thu số 002968 ngày 05/12/2018 thành tiền án phí, chị Th đã nộp đủ án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND TX. Long Khánh;*
- *Lưu án văn ;*
- *Hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Mỹ Lệ